

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT ÁP DỤNG CHO
GIAI ĐOẠN 2020 - 2024 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ MỚI**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

I. Giới hạn đô thị: Toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Chợ Mới và Mỹ Luông.

II. Giá đất phân theo vị trí, phân loại đường phố:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
A	THỊ TRẤN CHỢ MỚI					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Hữu Cảnh - Nguyễn Huệ	1	3.000	3.600	Tăng giá
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
2	Đường tỉnh 942	Nguyễn Hữu Cảnh - ranh Long Điền A	2	2.500	2.500	Chuyển thành đường loại 2
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
3	Đường vào Nhà Thiếu Nhi huyện Chợ Mới	Từ Đường tỉnh 942 (đường dẫn cầu Ông Chưởng) đến nhà Thiếu Nhi huyện Chợ Mới	3		600	Bổ sung mới
B	THỊ TRẤN MỸ LUÔNG					
I	ĐƯỜNG LOẠI 1					
1	Hai Bà Trưng	Đường Châu Văn Liêm - sông Tiền	1	3.000	3.000	Điều chỉnh giới hạn
2	Bà Triệu	Đường Châu Văn Liêm - sông Tiền	1	3.000	3.000	Điều chỉnh giới hạn
3	Nguyễn Huệ	Đường Châu Văn Liêm - sông Tiền	1	2.800	2.800	Điều chỉnh giới hạn
4	Châu Văn Liêm	Lộ Vòng cung - Mũi Tàu	1	3.000	3.000	Đổi tên từ Đường tỉnh 942 (cũ) thành Đường Châu Văn Liêm
II	ĐƯỜNG LOẠI 2					
5	Đường tỉnh 942 (cũ)	Ranh xã Long Điền A - Lộ Vòng cung	2	1.600	2.000	Tăng giá
	Châu Văn Liêm	Mũi Tàu - cầu (Mỹ	2	1.600	2.000	Tăng giá và

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		Luông - Tấn Mỹ)				Đổi tên: Đường tỉnh 942 (cũ) thành Đường Châu Văn Liêm
6	Phố dọc kênh Chà Và	Đường Võ Ánh Đăng - sông Tiên	2	2.000	2.000	Điều chỉnh giới hạn
7	Ung Văn Khiêm	Đường Châu Văn Liêm - Đường tỉnh 942 (mới)	2	1.500	1.500	Đổi tên: Đường quy hoạch số 7 thành Đường Ung Văn Khiêm. Và điều chỉnh giới hạn.
8	Đường tỉnh 942 mới (Lộ vòng cung)	Mũi Tàu - Đường Nguyễn Văn Hưởng	2	1.700	1.700	Điều chỉnh giới hạn: Mũi Tàu - Đường số 10 thành Mũi Tàu - Đường Nguyễn Văn Hưởng
9	Hương lộ 1	Đường Châu Văn Liêm - lộ Vòng Cung mới	2	1.800	1.800	Điều chỉnh giới hạn
10	Võ Ánh Đăng	Ngã 3 lộ vòng cung - Đường Châu Văn Liêm	2	2.000	2.000	Đổi tên: Đường vào Trung tâm thương mại TT Mỹ Luông (Đ. Phòng khám khu vực) thành Đường Võ Ánh Đăng. Và điều chỉnh giới hạn.
11	Khu dân cư Hoàng Kim - CNC	Giới hạn trong phạm vi khu dân cư	2		2.000	Bổ sung mới
III	ĐƯỜNG LOẠI 3					
12	Nguyễn Văn Hưởng	Cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ) - Đường	3	800	800	Đổi tên: Đường quy

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
		tỉnh 942 (mới)				hoạch số 10 thành Đường Nguyễn Văn Hưởng.
13	Huỳnh Thị Hưởng	Nguyễn Huệ - cầu (Mỹ Lương - Tấn Mỹ)	3	500	500	Đổi tên: Phố bờ sông Tiền thành Đường Huỳnh Thị Hưởng.
14	Nguyễn Quang Sáng	Đường Châu Văn Liêm - Đường tỉnh 942 mới	3	1.300	1.300	- Đổi tên: Đường quy hoạch số 8 thành Đường Nguyễn Quang Sáng. Và điều chỉnh giới hạn.
15	Đường kênh Chà Và (đường song song với Hương lộ 1)	Ngã tư đèn 4 ngọn đến Đường Châu Văn Liêm	3	700	700	Điều chỉnh giới hạn: “Ngã tư đèn 4 ngọn đến Đường tỉnh 942 cũ” thành “Ngã tư đèn 4 ngọn đến Đường Châu Văn Liêm”
16	Đường số 02	Đường Ung Văn Khiêm - Đường Nguyễn Quang Sáng	3	1.200	1.200	Điều chỉnh giới hạn: từ “Đường số 7- Đường số 8” thành “Đường Ung Văn Khiêm - Đường Nguyễn Quang Sáng”.

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
17	Đường tỉnh 942 (mới)	Đường Nguyễn Văn Hương - Đường Lương Văn Cù	3	1.000	1.000	Điều chỉnh giới hạn: “Đường số 10 - Chùa Bà Tài” thành “Đường Nguyễn Văn Hương - Đường Lương Văn Cù”.
18	Đường tỉnh 942 (mới)	Đường Lương Văn Cù - Đường Châu Văn Liêm	3	1.000	1.000	Điều chỉnh giới hạn: “Đường chùa Bà Tài - Mường Cầu Chùa” thành “Đường Lương Văn Cù - Đường Châu Văn Liêm”
19	Châu Văn Liêm	Cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ) đến đường tỉnh 942 mới (lộ vòng cung - hướng Mỹ An)	3	800	1.000	Tăng giá, điều chỉnh giới hạn và đổi tên từ Đường tỉnh 942 (cũ) thành Đường Châu Văn Liêm.
	Đường tỉnh 942 (cũ)	Đường tỉnh 942 mới (lộ vòng cung - hướng Mỹ An) - mường Cầu Chùa	3	800	1.000	Tăng giá và điều chỉnh giới hạn.
20	Lương Văn Cù	Đường Châu Văn Liêm - Đường tỉnh 942 mới	3	500	500	Đổi tên: Đường Chùa Bà Tài thành Đường Lương Văn Cù.
21	Huỳnh Thị Hương	Cầu (Mỹ Luông - Tấn Mỹ) - giáp kênh Khai Long	3	500	500	Đổi tên: Phố bờ sông Tiên thành Đường Huỳnh Thị Hương. Và điều chỉnh

TT	Tên đường phố	Giới hạn từ ... đến ...	Loại đường	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
						giới hạn.
22	Đường kênh Mương Chùa	Đường tỉnh 942 cũ - ranh Long Kiến	3	300	300	Điều chỉnh giới hạn: Đường tỉnh 942 - ranh Long Kiến thành Đường tỉnh 942 cũ - ranh Long Kiến.
23	Nguyễn Văn Hưởng	Đường tỉnh 942 (mới) - Kênh 77	3	300	300	Đổi tên: Đường số 10 (nối dài) thành Đường Nguyễn Văn Hưởng. Và điều chỉnh giới hạn.
24	Nguyễn Thanh Sơn	Đường Lương Văn Cù - Đường tỉnh 942 mới	3	500	500	Đổi tên: Đường số 02 thành Đường Nguyễn Thanh Sơn. Và điều chỉnh giới hạn.
25	Đường cặp Phòng khám khu vực	Đường tỉnh 942 mới - Kênh Chìm	3	400	400	Điều chỉnh tên giới hạn: Đường tỉnh 942 thành Đường tỉnh 942 mới.

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
I	Xã Hòa Bình			
I	Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):			
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm của các chợ còn lại (không phải là chợ trung tâm xã).			

TT	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
-	Chợ An Hòa	1.800		Bỏ khu vực này do ở địa phương không có chợ này.
2	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Đường dẫn vào chợ An Khánh (Từ đường tỉnh 946 đến cầu Đình An Hòa)		800	Bổ sung mới
II	Xã Long Giang			
1	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Hai bờ kênh Cà Mau (cầu Cà Mau - Ranh Kiến Thành và Nhơn Mỹ)	270	270	Điều chỉnh giới hạn
III	Xã Kiến An			
1	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Đường cồn (Từ cầu Đình (hướng ra cầu Hải Quân) đến cầu Hai Triết)	300	300	Điều chỉnh giới hạn
IV	Xã Long Điền A			
1	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Đường Kênh Đòn Dong (Từ ranh thị trấn Chợ Mới - ranh thị trấn Mỹ Luông)		250	Bổ sung mới
-	Đường Kênh Tập Đoàn 12 (Từ đường tỉnh 942 đến kênh Đòn Dong)		250	Bổ sung mới
-	Đường cộ Nhà Thờ (Từ đường tỉnh 942 đến kênh Đòn Dong)		250	Bổ sung mới
-	Đường Cồn áp Long Thuận 1 - Long Thuận 2 (Từ xưởng cơ khí 3 Tam đến đường bên đò Cột dây thép cũ)		300	Bổ sung mới
V	Xã Long Điền B			
1	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Đường Xẻo Môn bờ dưới (Từ Cầu Xẻo Môn - Kênh Xáng AB)		250	Bổ sung mới
-	Đường Hào Thơ bờ dưới (Từ Cầu Hào Thơ - Kênh Xáng AB)		250	Bổ sung mới
VI	Xã Hội An			
1	<i>Khu vực 1: Đất ở nông thôn tại trung tâm xã (trung tâm chợ xã; trung tâm hành chính xã):</i>			
a	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ xã			
-	Chợ Cái Tàu Thượng (Khu vực chợ mới) - khu vực trung tâm hành chính xã	1.200	1.200	Điều chỉnh giới hạn
2	<i>Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:</i>			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			

TT	Khu vực	Giá đất NQ 16/2019	Giá đất điều chỉnh	Ghi chú
-	Từ tỉnh lộ 942 (chợ cũ đường liên xã) - ngã 3 đường vòng tránh chợ	1.000	1.000	Điều chỉnh giới hạn: “Tỉnh lộ 942 - Đường số 1 (Đường vào chợ cũ)” thành “Từ tỉnh lộ 942 (chợ cũ đường liên xã) - ngã 3 đường vòng tránh chợ”
-	Ngã 3 đường vòng tránh chợ - ranh Hòa An	600	600	Gộp 2 đoạn “Đường số 1 - mương Hội Đồng” và “Mương Hội Đồng - ranh Hòa An”
VII	Xã Mỹ Hiệp			
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Tuyến đường Mương Chùa (Ngã tư cầu Mương Chùa - Kênh Mới)		300	Bổ sung mới
-	Tuyến đường Ngọn Đình Bờ Bắc (Ngã ba cầu Đình - Kênh Mới)		300	Bổ sung mới
-	Tuyến đường Kênh Xoài Heo (Cầu Giồng Xoài Heo - Cầu Huỳnh Văn Triễn)		300	Bổ sung mới
VIII	Xã Bình Phước Xuân			
1	Khu vực 2: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông:			
a	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã:			
-	Tuyến đê Cả Bông		250	Bổ sung mới
-	Tuyến cầu Mương Chùa đến cầu Đông Phú		250	Bổ sung mới
-	Tuyến cầu Trại Trị đến đuôi vàm Bình Tấn		250	Bổ sung mới
-	Tuyến Cầu Cả Cái đến cầu Năm Kê		250	Bổ sung mới

C. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Khu vực	Giá đất NQ16/2019		Giá đất điều chỉnh		Ghi chú
		VT1	VT2	VT1	VT2	
I	THỊ TRẤN MỸ LUÔNG					
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản					

TT	Khu vực	Giá đất NQ16/2019		Giá đất điều chỉnh		Ghi chú
		VT1	VT2	VT1	VT2	
a	Trong giới hạn: - Đông giáp sông Tiền, Kênh Khai Long (Từ kênh Cột dây Thép - Kênh Mương Chùa). - Tây giáp Kênh 77. - Nam giáp kênh Mương Chùa. - Tây Bắc giáp Kênh Cột Dây Thép (Từ sông Tiền đến đầu kênh 77).		120		120	Điều chỉnh giới hạn
b	Tiếp giáp Đường tỉnh		80			Bỏ khu vực này do đã nằm trong giới hạn đô thị.
c	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu, sông Tiền)		60	60	48	Bổ sung giá vị trí 2
2	<i>Đất trồng cây lâu năm</i>					
a	Trong giới hạn: - Đông giáp sông Tiền, Kênh Khai Long (Từ kênh Cột dây Thép - Kênh Mương Chùa). - Tây giáp Kênh 77. - Nam giáp kênh Mương Chùa. - Tây Bắc giáp Kênh Cột Dây Thép (Từ sông Tiền đến đầu kênh 77)		150		150	Điều chỉnh giới hạn
b	Tiếp giáp Đường tỉnh	120	96			Bỏ khu vực này do đã nằm trong giới hạn đô thị.